

Số: 3272 /QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công nhận tốt nghiệp hệ đào tạo cử nhân chính quy Chương trình đào tạo thứ hai

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐHQGHN

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 2716/NQ-HĐT ngày 28 tháng 05 năm 2025 của Hội đồng trường ĐHNN, ĐHQGHN về việc Ban hành Quy định Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2986/QĐ-ĐHNN ký ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Hiệu trưởng trường ĐHNN, ĐHQGHN về việc thành lập hội đồng xét tốt nghiệp hệ chính quy chương trình đào tạo thứ hai;

Căn cứ Biên bản cuộc họp xét tốt nghiệp ngày 20 tháng 06 năm 2025 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Người học.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân Ngoại ngữ chương trình đào tạo cử nhân các khoá QH.2020.F.10, QH.2021.F.10 và QH.22.F.10 cho 28 sinh viên, trong đó:

- Ngành Ngôn ngữ Anh: 13 sinh viên
- Ngành Ngôn ngữ Nhật: 07 sinh viên
- Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc: 03 sinh viên
- Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc: 05 sinh viên

(danh sách sinh viên kèm theo)

**Điều 2.** Trưởng phòng Quản trị Đại học, Trưởng phòng Đào tạo và Người học, Trưởng phòng Quản trị Nguồn lực, Trưởng khoa NN&VH Anh, Trưởng khoa NN&VH Nhật Bản, Trưởng khoa NN&VH Hàn Quốc, Trưởng khoa NN&VH Trung Quốc và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận :

- ĐHQGHN (để báo cáo, cấp bằng);
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Như điều 2;
- Lưu: QTDH, ĐT&NH,KN03.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Long



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP

(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 3272/QĐ-ĐHNN ngày 27/06/2025)

Khóa: QH.2020.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

| STT | Mã SV    | Họ và tên        | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Điểm TBC | Xếp loại | Chương trình đào tạo thứ nhất | Đơn vị đào tạo           | Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất | Ghi chú |
|-----|----------|------------------|------------|-----------------|-----------|----------|----------|-------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1   | 19040722 | Trần Minh Nguyệt | 11/08/2001 | Tp. Hồ Chí Minh | Nữ        | 3.62     | Xuất sắc | Ngôn ngữ Ả Rập                | Trường Đại học Ngoại ngữ | 1368                                |         |
| 2   | 19010428 | Nguyễn Hữu Phước | 03/05/2001 | Hải Phòng       | Nam       | 3.38     | Giỏi     | Tham vấn học đường            | Trường Đại học Giáo dục  | 796                                 |         |



**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP**

(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 272 /QĐ-ĐHNN ngày 27/06/2025)

Khóa: QH.2021.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

| STT | Mã SV    | Họ và tên          | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm TBC | Xếp loại | Chương trình đào tạo thứ nhất | Đơn vị đào tạo                             | Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất | Ghi chú |
|-----|----------|--------------------|------------|----------|-----------|----------|----------|-------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1   | 19032636 | Trần Đại Quang Anh | 24/04/2001 | Hà Nội   | Nam       | 2.77     | Khá      | Xã hội học                    | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn | 3706                                |         |
| 2   | 20064014 | Phan Thị Ngọc Diệp | 20/07/2002 | Hà Nội   | Nữ        | 3.24     | Giỏi     | Luật thương mại quốc tế       | Khoa Luật                                  | 839                                 |         |
| 3   | 20032660 | Nguyễn Thanh Giang | 14/08/2002 | Hà Nội   | Nữ        | 3.12     | Khá      | Khoa học quản lý              | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn | 3155                                |         |
| 4   | 19001530 | Doãn Minh Hiền     | 09/10/2001 | Hà Nội   | Nữ        | 3.36     | Giỏi     | Khoa học môi trường           | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên           | 922                                 |         |
| 5   | 20064035 | Đỗ Phương Linh     | 05/11/2002 | Hà Nội   | Nữ        | 3.24     | Giỏi     | Luật thương mại quốc tế       | Khoa Luật                                  | 839                                 |         |
| 6   | 20064047 | Chu Thị Nhiên      | 11/06/2002 | Hà Nội   | Nữ        | 3.21     | Giỏi     | Luật thương mại quốc tế       | Khoa Luật                                  | 839                                 |         |
| 7   | 20050163 | Lưu Ngọc Anh Thư   | 22/07/2002 | Phú Thọ  | Nữ        | 3.2      | Giỏi     | Kinh tế quốc tế               | Trường Đại học Kinh tế                     | 3326                                |         |
| 8   | 20061296 | Nguyễn Thu Trang   | 03/07/2001 | Hòa Bình | Nữ        | 3.04     | Khá      | Luật                          | Khoa Luật                                  | 424                                 |         |
| 9   | 19040697 | Nguyễn Thanh Vân   | 19/06/2001 | Hà Nội   | Nữ        | 3.11     | Khá      | Ngôn ngữ Đức - Phiên dịch     | Trường Đại học Ngoại ngữ                   | 1369                                |         |
| 10  | 19010492 | Dương Đỗ Phượng Vy | 11/01/2001 | Hà Nội   | Nữ        | 3.1      | Khá      | Tham vấn học đường            | Trường Đại học Giáo dục                    | 2178                                |         |



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP

(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 3272/QĐ-ĐHNN ngày 27/06/2025)

Khóa: QH.2022.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

| STT | Mã SV    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm TBC | Xếp loại | Chương trình đào tạo thứ nhất | Đơn vị đào tạo | Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất | Ghi chú |
|-----|----------|-----------------------|------------|----------|-----------|----------|----------|-------------------------------|----------------|-------------------------------------|---------|
| 1   | 20063158 | Phạm Nghiêm Kim Thuần | 01/06/2002 | Hà Nội   | Nữ        | 3.39     | Giỏi     | Luật Kinh doanh               | Khoa Luật      | 839                                 |         |



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP**

*(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 3272/QĐ-ĐHNN ngày 27/06/2025)*

Khóa: QH.2021.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc

| STT | Mã SV    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm TBC | Xếp loại | Chương trình đào tạo thứ nhất | Đơn vị đào tạo                             | Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất | Ghi chú |
|-----|----------|----------------------|------------|----------|-----------|----------|----------|-------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1   | 19032669 | Đặng Thị Thanh Hương | 21/06/2001 | Hà Nam   | Nữ        | 3.19     | Khá      | Xã hội học                    | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn | 2555                                |         |



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP

(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 3272/QĐ-ĐHNN ngày 27/06/2025)

Khóa: QH.2022.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc

| STT | Mã SV    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm TBC | Xếp loại | Chương trình đào tạo thứ nhất | Đơn vị đào tạo                             | Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất | Ghi chú |
|-----|----------|-----------------------|------------|----------|-----------|----------|----------|-------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1   | 20030743 | Vũ Khánh Linh         | 15/06/2002 | Hà Giang | Nữ        | 3.48     | Giỏi     | Khoa học quản lý              | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn | 3155                                |         |
| 2   | 19040552 | Nguyễn Thị Thanh Miên | 07/11/2000 | Hà Nội   | Nữ        | 2.9      | Khá      | Ngôn ngữ Nga - Du lịch        | Trường Đại học Ngoại ngữ                   | 1969                                |         |



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP**

*(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 3272/QĐ-ĐHNN ngày 27/06/2025)*

Khóa: QH.2020.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật

| STT | Mã SV    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm TBC | Xếp loại | Chương trình đào tạo thứ nhất | Đơn vị đào tạo          | Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất | Ghi chú |
|-----|----------|----------------------|------------|----------|-----------|----------|----------|-------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1   | 19010465 | Nguyễn Thị Thiên Thư | 28/07/2001 | Hà Nội   | Nữ        | 3.01     | Khá      | Tham vấn học đường            | Trường Đại học Giáo dục | 3240                                |         |



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP**

*(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 3272/QĐ-ĐHNN ngày 27/06/2025)*

Khóa: QH.2021.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật

| STT | Mã SV    | Họ và tên     | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm TBC | Xếp loại | Chương trình đào tạo thứ nhất | Đơn vị đào tạo                             | Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất | Ghi chú |
|-----|----------|---------------|------------|-----------|-----------|----------|----------|-------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1   | 19031037 | Hoàng Trà My  | 12/09/2001 | Hà Nội    | Nữ        | 3.28     | Giỏi     | Lưu trữ học                   | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn | 2555                                |         |
| 2   | 19061294 | Đỗ Minh Quân  | 09/02/2001 | Bắc Ninh  | Nam       | 3.29     | Giỏi     | Luật                          | Khoa Luật                                  | 354                                 |         |
| 3   | 20051369 | Đặng Minh Thư | 01/11/2002 | Hải Dương | Nữ        | 3.04     | Khá      | Kinh tế phát triển            | Trường Đại học Kinh tế                     | 3326                                |         |





ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP

(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 3272/QĐ-ĐHNN ngày 27/06/2025)

Khóa: QH.2022.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật

| STT | Mã SV    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm TBC | Xếp loại | Chương trình đào tạo thứ nhất | Đơn vị đào tạo         | Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất | Ghi chú |
|-----|----------|----------------------|------------|-----------|-----------|----------|----------|-------------------------------|------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1   | 19071325 | Ngô Lê Hoài Diệu     | 15/08/2001 | Hải Phòng | Nữ        | 3.33     | Giỏi     | Kinh doanh quốc tế            | Khoa Quốc tế           | 2669                                |         |
| 2   | 19051204 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 21/06/2001 | Hải Phòng | Nữ        | 3.34     | Giỏi     | Kinh tế quốc tế               | Trường Đại học Kinh tế | 2151                                |         |
| 3   | 20051187 | Vũ Thị Quỳnh Trang   | 19/11/2002 | Bắc Ninh  | Nữ        | 3.29     | Giỏi     | Kinh tế                       | Trường Đại học Kinh tế | 4870                                |         |



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP**

*(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 3272/QĐ-ĐHNN ngày 27/06/2025)*

Khóa: QH.2021.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

| STT | Mã SV    | Họ và tên      | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm TBC | Xếp loại | Chương trình đào tạo thứ nhất | Đơn vị đào tạo                             | Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất | Ghi chú |
|-----|----------|----------------|------------|-----------|-----------|----------|----------|-------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1   | 20030703 | Nguyễn Mai Anh | 19/03/2002 | Hà Nội    | Nữ        | 2.84     | Khá      | Khoa học quản lý              | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1945                                |         |
| 2   | 19031253 | Lê Thu Quỳnh   | 07/05/1999 | Hà Nội    | Nữ        | 2.94     | Khá      | Nhân học                      | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn | 3155                                |         |
| 3   | 20010236 | Lê Thanh Thảo  | 18/11/2002 | Thanh Hóa | Nữ        | 3.02     | Khá      | Sư phạm khoa học tự nhiên     | Trường Đại học Giáo dục                    | 1701                                |         |



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP

(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 3272/QĐ-ĐHNN ngày 27/06/2025)

Khóa: QH.2022.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

| STT | Mã SV    | Họ và tên        | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm TBC | Xếp loại | Chương trình đào tạo thứ nhất | Đơn vị đào tạo                             | Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất | Ghi chú |
|-----|----------|------------------|------------|-----------|-----------|----------|----------|-------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1   | 19031100 | Dương Ngân Giang | 18/05/2001 | Bắc Giang | Nữ        | 2.73     | Khá      | Ngôn ngữ học                  | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn | 2555                                |         |
| 2   | 20030582 | Phạm Thị Trang   | 15/11/2002 | Nam Định  | Nữ        | 2.88     | Khá      | Đông Nam Á học                | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1698                                |         |